

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HS-ST

Ngày: 25/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Mai Rý

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Huỳnh Cung Tr (N), sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: ông Trần Huỳnh T, sinh năm: 1960, mẹ: bà Trần Thị D, sinh năm 1964; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bản án số 52/2019/HS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tiền sự: Quyết định số 111/QĐ-XPHC ngày 09/9/2019 của Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Châu Bình từ ngày 30/9/2019 cho đến nay. (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Ngô Minh Chí, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số 58/1, ấp GHC, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

- Ông Đặng Minh T, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Số 130, ấp A, xã NT, huyện BD, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt).

* *Người chứng kiến:*

- Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Số 238/3, khu phố A, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1965;

Nơi cư trú: Số 238/3, khu phố A, Phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Trường Kh, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Số 221C, khu phố A, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 50 phút ngày 27/9/2019, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Bến Tre tuần tra trên tuyến đường Đại lộ Đồng Khởi. Khi đến trước nhà số 76C, Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre thì phát hiện Trần Huỳnh Cung Tr đang điều khiển xe mô tô biển số 93P1-534.77 chở phía sau Nguyễn Thành Nh (SN: 2003) có biển hiện nghi vấn nên yêu cầu Tr dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện Tr đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ tang vật và bàn giao cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

- Thu trong túi bên trái phía trước áo khoác Jean Tr đang mặc: 01 gói giấy màu trắng, bên trong gói giấy có 01 túi nylon hàn kín bốn phía, bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy (Sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký, ghi tên của Phan Nghĩa Th, Nguyễn Hữu Kh, Trần Huỳnh Cung Tr, Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Trường Kh, Đặng Văn H và dấu tròn màu đỏ của Công an phường Phú Khương, thành phố Bến Tre).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 93P1-534.77, số máy: 5C64-668155, số khung: S5C640BY668152.

Ngoài ra, lực lượng Công an còn thu giữ của Trần Huỳnh Cung Tr: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Seri: 359972058699577, bên trong có thẻ sim số 0328158679 và thu giữ của Nguyễn Thành Nh 01 điện thoại di động không nhãn hiệu, màu đen, số Imei 1: 352987101127753/01; số Imei 2: 352988101127753/01, bên trong có 01 thẻ sim số 0582374204.

Theo kết luận giám định số 125/2019/GĐMT ngày 10/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi

nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng 0,2283 gam.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSTPBT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Tr về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Tr 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định;

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho Ngô Minh C xe mô tô biển số 93P1-534.77; giao trả cho Nguyễn Thành Nh 01 điện thoại di động không nhãn hiệu, màu đen, số Imei 1: 352987101127753/01; số Imei 2: 352988101127753/01, bên trong có 01 thẻ sim số 0582374204.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong số 125/2019, bên trong có chứa ma túy sau giám định là 0,1911 gam, Methamphetamine.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Seri: 359972058699577 của bị cáo Tr.

Bị cáo Tr khai nhận vào lúc 21 giờ 50 phút ngày 27/9/2019, tại trước nhà số 76C, Đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bị cáo Tr đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,2283 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng. Qua kiểm tra, lực lượng tuần tra phát hiện Tr đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành lập biên bản sự việc, thu giữ tang vật và bàn giao cho lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Bến Tre xử lý theo thẩm quyền. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, không khiếu nại gì đối với các hành vi và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Minh C, Đặng Minh T; người chứng kiến Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Trường Kh bị cáo không có ý kiến gì, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Minh C, Đặng Minh T; người chứng kiến Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Trường Kh. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Minh C, Đặng Minh T; người chứng kiến Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Trường Kh không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Minh C, Đặng Minh T; người chứng kiến Nguyễn Thành Nh, Nguyễn Trường Kh là phù hợp.

[2] Bị cáo Tr có lời khai tại phiên tòa phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang ngày 27/9/2019, lời khai của người chứng kiến, phù hợp với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Tr đã có hành vi cất giấu trái phép 0,2283 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng.

[3] Bị cáo Tr là người có đủ năng lực nhận biết việc cất giấu ma túy là bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn mua và cất giấu ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự nơi bị cáo thực hiện tội phạm, nguyên nhân phát sinh các tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân bị cáo có nhân thân xấu đã có tiền án, tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng ngày 14/8/2019 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre kết án 01 năm tù, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là “tại phạm”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Tr được hưởng là “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

Trong thời gian tại ngoại chờ chấp hành hình phạt của bản án số 52/2019/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt đối với lần phạm tội trong lần xét xử này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

[6] Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lời phát biểu luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Tr về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì chứa ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho Ngô Minh C xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 93P1-534.77; trả cho Nguyễn Thành Nh 01 điện thoại di động không nhãn hiệu, màu đen, số Imei 1: 3259871127753/01, số Imei 2: 352988101127753/01, bên trong có 01 thẻ sim số 0582374204.

Đối với một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Seri: 359972058699577, bên trong có thẻ sim số 03281586799 của bị cáo Tr, bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy, liên quan đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Bị cáo Trần Huỳnh Cung Tr khai đôi tượng tên U bán ma túy cho bị cáo nhưng chưa rõ địa chỉ tên họ nên chưa tiến hành làm việc được. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre tiếp tục xác minh xử lý đôi tượng tên U theo quy định pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Tr phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Huỳnh Cung Tr (N) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Trần Huỳnh Cung Tr 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù của bản án số 52/2019/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy một phong bì được niêm phong vụ số 125/2019, bên trong có chứa ma túy sau giám định là 0,1911 gam, Methamphetamine;

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho Ngô Minh C xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 93P1-534.77; giao trả cho Nguyễn Thành Nh 01 điện thoại di động không nhãn hiệu, màu đen, số Imei 1: 3259871127753/01, số Imei 2: 352988101127753/01, bên trong có 01 thẻ sim số 0582374204.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Seri: 359972058699577, bên trong có thẻ sim số 03281586799 của bị cáo Tr.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2020 hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre quản lý).

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Huỳnh Cung Tr phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được kháng cáo trong hạn (15) mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Minh C, Đặng Minh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo, người có QLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình